

Tâm Tống, Hoa Đỗ & Bình Nguyễn (2023). Chiến lược truyền cảm hứng học tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất tại Học viện Chính sách và Phát triển. *Đặc san Nghiên cứu Chính sách và Phát triển*, 1(2023), 39-

Đặc san Nghiên cứu
Chính sách
và Phát triển

© Học viện
Chính sách
và Phát triển, 2022
© CSR, 2023

Bài báo khoa học

Chiến lược truyền cảm hứng học tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất tại Học viện Chính sách và Phát triển

Tống Hưng Tâm (TS.)

Học viện Chính sách và Phát triển,
Email: thtam@apd.edu.vn

ThS. Đỗ Thị Hoa

Học viện Chính sách và Phát triển,
Email: ms.hoa1186@gmail.com

CN. Nguyễn Hưng Bình

Công ty giáo dục UTOPIA,
Email: cunkin98@gmail.com

Ngày nhận bài:

15/11/2022

Bản sửa lần 1:

23/11/2022

Ngày duyệt bài:

10/12/2022

Tóm tắt

Học một ngôn ngữ mới là một tầm nhìn mới của cuộc sống, áp dụng linh hoạt các thủ thuật giảng dạy giúp tiếng Anh hấp dẫn hơn trong môi trường học thuật. Nghiên cứu đã liệt kê một số chiến lược truyền cảm hứng trong giảng dạy tiếng Anh như *Thúc đẩy tư duy phát triển; Phát triển cộng đồng học tiếng Anh theo nhóm nhỏ và tôn trọng các đề xuất của người học; Phân quyền và duy trì sự kết nối trong và ngoài lớp học để đạt mục tiêu học tập; Đặt mục tiêu cao và thiết lập mục tiêu rõ ràng; Truyền cảm hứng trong từng giờ học*. Với phương pháp tổng hợp, nghiên cứu đã chỉ ra những thuận lợi, khó khăn đối với sinh viên năm thứ nhất tại Học viện Chính sách và Phát triển. Việc áp dụng các chiến lược truyền cảm hứng bước đầu đạt kết quả khả quan và phần nào khắc phục được những khó khăn trước mắt. Để thực hiện các chiến lược này hiệu quả hơn, giảng viên cần được quan tâm đầu tư thời gian, công sức và tâm huyết tạo sự chuyển biến trong quá trình truyền thụ và tri nhận kiến thức của sinh viên.

Mã số: ĐS060123

Từ khóa: Chiến lược, truyền cảm hứng, học tiếng Anh.

Abstract

Learning a new language is a new vision of life, and applying teaching tips flexibly is to make English more attractive in an academic environment. Research has listed a number of inspirational strategies in English language teaching, such as *Promoting a growth mindset, Developing a small group English learning community and respecting learners' suggestions; Decentralize and maintaining connections in and*

out of the classroom to achieve learning goals, Set high goals and set clear goals; Inspiration in every lesson. With the synthetic method, the research has pointed out the advantages and disadvantages for first-year students at the Academy of Policy and Development. The application of inspirational strategies initially achieved positive results and partly overcame the immediate difficulties. In order to implement these strategies more effectively, lecturers need to invest their time, effort, and enthusiasm in making a difference in the process of imparting and perceiving students' knowledge.

Keywords:

Strategies; Inspire; Study English; Students.

I. Đặt vấn đề

Không thể phủ nhận tầm quan trọng của tiếng Anh (TA) trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay. Với sức mạnh kết nối mọi người từ nhiều nền văn hóa khác nhau, xây dựng mối quan hệ thương mại, kinh tế, giáo dục và phát triển thông qua ngôn ngữ quốc tế, TA được coi là ngôn ngữ phổ biến nhất và là ngôn ngữ chính thức của 67 quốc gia trên thế giới (Carlor, 2022. Số liệu cập nhật ngày 14/4/2022). Với tầm nhìn chiến lược, chính phủ Việt Nam đã xây dựng, triển khai nhiều đề án cấp quốc gia để nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh ở các cấp học, đặc biệt là Đề án Ngoại ngữ 2020. Tại Học viện Chính sách và Phát triển (APD), Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020”, sau này là Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025” đã được triển khai từ năm 2014 đến nay và mang lại những kết quả khả quan trong tất cả các nhiệm vụ trọng tâm của đề án như nghiên cứu, đánh giá, hoàn thiện, xây dựng và ban hành các chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo ngoại ngữ theo chuẩn đầu

ra và ngành đào tạo; nâng cao hiệu quả các hoạt động kiểm tra, đánh giá thường xuyên đảm bảo chất lượng dạy và học ngoại ngữ, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ và năng lực sư phạm cho giáo viên, giảng viên ngoại ngữ, giảng viên dạy các môn chuyên ngành, nghề bằng ngoại ngữ cũng như nâng cao điều kiện và môi trường dạy và học ngoại ngữ tại Học viện. Thông qua đó, chất lượng học TA của các khóa sinh viên (SV) tại APD đã có những tiến bộ nhất định. Nhận được sự quan tâm của Ban Giám đốc cũng như toàn Học viện với môn TA, giảng viên (GV) đã luôn nỗ lực học hỏi và phát huy các phương pháp dạy học tích cực giúp SV làm chủ kiến thức. Tuy nhiên, việc thay đổi môi trường học tập cũng như những yêu cầu ở cấp độ hàn lâm khiến nhiều SV cảm thấy nhất bối rối, e ngại và chưa thực sự phát huy hết khả năng trong quá trình học. Làm thế nào để truyền cảm hứng cho SV học tốt hơn, đạt kết quả khả quan hơn, và đặc biệt có tâm thế say mê học tiếng Anh hơn, giảng viên (GV) cần có chiến lược truyền cảm hứng để SV khơi dậy tinh thần học tập và đặt mục tiêu cho mỗi chương trình để phấn đấu trở thành những công dân quốc gia và toàn cầu.

Cơ sở nghiên cứu

Theo Fadia, F. (2013) Chiến lược là kế hoạch hành động cho một mục tiêu cụ thể với tổ hợp các mục tiêu dài hạn và các biện pháp, các cách thức có định hướng nhất quán lâu dài để đạt được những thành tựu cụ thể. Chiến lược trong dạy học TA là một kế hoạch tổng quát cho (các) bài học bao gồm cấu trúc hành vi mong muốn của người dạy về các mục tiêu hướng dẫn và phác thảo các chiến thuật được lập kế hoạch cần thiết để thực hiện và đạt được kết quả đầu ra (outcome) cho người học. Xác định TA là tấm hộ chiếu cho tương lai, cho ngày mai thuộc về những

người chuẩn bị cho nó ngày hôm nay. Do đó, có chiến lược dạy học cụ thể cho từng giai đoạn chuyên biệt giúp việc mô hình hóa quá trình dạy học TA có tính tường minh hơn khi thực hiện. Tuy nhiên xây dựng chiến lược dạy học tại từng cơ sở đào tạo cụ thể như tại APD cần có những yêu cầu thực tiễn và áp dụng một cách linh hoạt.

Chiến lược dạy học là cách một cá nhân tổ chức và sử dụng một tập hợp các kỹ năng cụ thể để truyền tải nội dung hoặc hướng người học hoàn thành các nhiệm vụ khác một cách hiệu quả hơn trong môi trường học thuật cũng như trong các môi trường làm việc (Schumaker & Deshler, 1992). Thực hiện từng mục tiêu nhỏ lẻ thành công giúp tạo ra giá trị tổng hợp đóng vai trò quan trọng giúp người học từng bước đạt được các tiêu chí ngắn hạn và dài hạn. Điều này đặc biệt có tính thực hành cao với việc học TA. Để áp dụng chiến lược dạy học TA vào từng giai đoạn hay từng đối tượng SV cụ thể tại APD phải có kế hoạch để thực hiện một cách hiệu quả.

Truyền cảm hứng khiến ai đó cảm thấy rằng họ muốn làm điều gì đó và có thể làm điều đó vì tạo động lực là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong việc học ngôn ngữ (Jeanetta, D. 2019). Người học có thái độ tốt với tiếng Anh sẽ có nhiều khả năng kiên định học tập và nỗ lực vượt qua khó khăn để chinh phục ngôn ngữ. Khi người học được truyền cảm hứng, việc học TA trở nên hấp dẫn ở nhiều khía cạnh khác nhau. Không chỉ dừng ở việc học một ngôn ngữ, khám phá văn hóa, lịch sử cũng như sự tiến bộ của nhân loại cũng làm cho TA có những hấp dẫn khác biệt trong suốt quá trình chinh phục và làm chủ TA trong và sau khi ra trường. Các giảng viên tại APD là những người luôn đi đầu trong quá trình

truyền cảm hứng sáng tạo cho SV, tuy nhiên với nguồn SV đến từ nhiều vùng miền khác nhau, cần có những nghiên cứu cụ thể để áp dụng phù hợp.

Zoltan Dörnyei (2001) khẳng định chiến lược truyền cảm hứng là kế hoạch tạo động lực có những ảnh hưởng tích cực đến việc thực hiện một cách có ý thức nhằm đạt được một số tác động có hệ thống và lâu dài. Đối với các chiến lược thúc đẩy việc học TA trong lớp học, GV là người tổ chức và sắp xếp quá trình tri nhận kiến thức thành các 'chủ đề' học tập riêng biệt theo trình độ của SV, theo tính thời sự, theo xu hướng của giới trẻ hoặc theo mong muốn của SV từng lớp học theo từng giai đoạn cụ thể. GV có thể dạy một bài học trong một ngày; nhưng nếu có thể dạy học bằng cách tạo ra sự tò mò, người học sẽ tiếp tục quá trình học tập lâu dài, thậm chí suốt đời.

Trong nghiên cứu với sinh viên năm thứ nhất tại trường Đại học Chicago, Hoa Kỳ, Noam Chomsky (2002) khuyến khích sinh viên chia sẻ những khó khăn khi bắt đầu học đại học thông qua kỹ năng viết. Tác giả khẳng định việc giảng dạy là xây dựng mối quan hệ với sinh viên và gợi mở để sinh viên tham gia vào hoạt động một cách tích cực, tự nhiên theo hướng dẫn. Trên thực tế, với sinh viên các nước tiếng Anh là bản ngữ, kỹ năng viết về trải nghiệm của bản thân không quá khó khăn, nhưng với môi trường học tập tiếng Anh như một ngoại ngữ tại APD, khả năng viết tiếng Anh của SV năm thứ nhất có thể chưa tiệm cận được với yêu cầu của giáo viên.

Brown (2014) khẳng định, trong giảng dạy TA cho người học hệ đại học, để truyền cảm hứng thu hút người học và quá trình học cần có thời gian, chiến lược và có điều chỉnh trong ít nhất một kỳ học mới có kết

quả khả quan. Với môi trường TA là ngoại ngữ như ở Việt Nam, áp dụng các chiến lược như thế nào để phát huy hiệu quả từ GV và SV chưa có những nghiên cứu cụ thể.

SV năm thứ nhất là những SV đã kết thúc chương trình học trung học phổ thông và đang trong học kỳ đầu tiên của năm một hệ đại học. Với tâm thế háo hức và tưởng tượng một môi trường học thuật mới, nhiều SV mong muốn thay đổi phương thức học tập và hy vọng sẽ đạt được những dấu mốc kiến thức cho bản thân làm tiền đề cho tương lai. Tuy nhiên, việc thay đổi môi trường học tập, cách thức học tập, nội dung học tập cũng như quá trình học tập theo tín chỉ đã khiến SV chưa thể hòa nhập ngay vào môi trường mới, khiến kết quả học tập có thể không được như mong đợi.

Tạo động lực giúp SV năm thứ nhất có tâm thế học TA tốt hơn là mục tiêu chung của cả Bộ môn Ngoại ngữ. Nghiên cứu này tập trung liệt kê các chiến lược tạo cảm hứng học TA; Khó khăn và thuận lợi khi dạy TA cho SV năm thứ nhất; kết quả khi áp dụng các chiến lược vào thực tiễn và những điều chỉnh trong môi trường thực tế.

II. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp định lượng thông qua điều tra, phỏng vấn và thu thập thông tin trong quá trình dạy và học TACB2 với 2 lớp (141 SV) năm thứ nhất năm học 2021 - 2022, và định tính nội dung qua các thông số và các câu trả lời từ SV để làm rõ tính thực tiễn của nghiên cứu về các chiến lược truyền cảm hứng phổ biến trong quá trình dạy và học TA tại APD. Những phản hồi trong quá trình nghiên cứu qua bảng hỏi giúp cho tác giả lựa chọn, đánh giá mức độ đáp ứng một cách phù hợp cách tạo động lực học TA, giúp GV có định hướng mới trong nghiên cứu và giảng dạy thực tiễn một

cách tích cực hơn. Tác giả cũng nghiên cứu các tài liệu khoa học để làm rõ cơ sở lý luận các chiến lược truyền cảm hứng trong dạy học TA tại APD. Thông tin về SV và học liệu đã được mã hóa để bảo mật quyền riêng tư và đảm bảo tính bản quyền.

Nghiên cứu tập trung vào các tham luận sau:

- Các chiến lược truyền cảm hứng học TA hiện nay.

- Những thuận lợi và khó khăn của SV năm thứ nhất khi học TA tại APD.

- Áp dụng những chiến lược truyền cảm hứng phù hợp với SV năm thứ nhất.

III. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

1. Chiến lược truyền cảm hứng học TA

Học TA học thuật hệ đại học là một môi trường đặc thù với đội ngũ GV đạt chuẩn cao, tốt nghiệp từ các trường đại học chuyên ngành trong nước và nước ngoài, kiến thức TA hàn lâm chuyên biệt, ứng dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy khác nhau; cập nhật kiến thức và giáo trình để đáp ứng nhu cầu học tập của SV và đầu ra của xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn một số trường hợp SV chưa hoàn toàn hợp tác một cách tích cực để việc truyền thụ và tri nhận kiến thức có hiệu quả hơn. Để khắc phục những khó khăn này, truyền cảm hứng học TA cho SV là một trong những giải pháp ứng dụng được ưu tiên trong lớp học.

Luke, W. (2027) đã liệt kê một số chiến lược truyền cảm hứng học ngôn ngữ trong lớp học TA là ngoại ngữ có tính ứng dụng cao.

Thúc đẩy tư duy phát triển hơn tư duy cố định

Nhiều SV không có động cơ học tập rõ ràng nên việc giao tiếp TA gặp khó khăn ngay cả khi nắm vững kiến thức ngôn ngữ. Người học với tư duy cố định cho rằng

bản thân không có hoặc kém về khả năng giao tiếp nên chỉ cần học chắc ngữ pháp, vốn từ vựng tốt là có thể làm bài tập trắc nghiệm đạt điểm cao nên thường sẽ né tránh những thử thách tương tác. Nếu tư duy phát triển, người học luôn tin rằng khả năng và tài năng có thể được trau dồi và cải thiện thông qua thực hành chăm chỉ, sẵn sàng thử thách, coi những khó khăn và thất bại là những phần cần thiết của việc chiếm lĩnh ngôn ngữ. GV đồng hành cùng SV và thiết lập từng mục tiêu rõ ràng trong từng hoạt động nhằm khuyến khích tính tương tác và khả năng sử dụng ngôn ngữ của người học một cách tự nhiên. Luôn tin tưởng, tôn trọng và trao quyền cho người học trong phạm vi cho phép để thúc đẩy tư duy phát triển trong sử dụng ngôn ngữ. Người học được làm chủ ngữ cảnh và cảm thấy việc học trở nên thú vị. Luôn nuôi dưỡng tư duy phát triển trong lớp học bằng sự khen ngợi kịp thời giúp người học cảm thấy sự tiến bộ của bản thân để nỗ lực hơn.

Trong suốt một chu kỳ học tập, giáo viên đánh giá sự tiến bộ của học sinh bằng cách kết hợp các bài đánh giá tổng hợp và hình thức để xác định chính xác việc học là cần thiết. Thông báo kết quả định kỳ giúp người học nhận biết sự tiến bộ và cố gắng cải thiện. Áp dụng các kỹ năng ngôn ngữ vào các ngữ cảnh thực như luyện tập nghe các bản tin ngắn về thời tiết, bảng xếp hạng ca nhạc, điện ảnh hoặc thể thao; luyện nói các đoạn hội thoại về học tập, sinh hoạt, sở thích và tương lai; đọc tiểu sử người nổi tiếng, các lễ hội phổ biến trên thế giới và văn hóa giao tiếp hàng ngày; viết thư xin việc, trao đổi về giá cả, đàm phán về thời gian gặp mặt. Với mô hình kiến thức nâng cao hình xoáy tròn ốc kết hợp các chủ đề cập nhật phù hợp với lứa tuổi tạo động lực học một cách hệ thống.

Phát triển cộng đồng học TA theo nhóm nhỏ và tôn trọng các đề xuất của người học

Nhiều SV tham gia vào các câu lạc bộ TA trong và ngoài trường nhưng không phát triển được khả năng ngôn ngữ cao do ý tưởng của họ không được chú ý. Điều đó dẫn đến tâm lý e ngại và chỉ làm theo hướng dẫn. Trong mỗi lớp học, GV có thể chia thành nhiều nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ học tập cụ thể cho từng nhóm tạo sự gợi mở và gắn kết. Mỗi thành viên sẽ chịu trách nhiệm 1 nội dung để có thể khớp với nhau trong một bài tập lớn. Sự tương tác, đề xuất nội dung, trao đổi, chia sẻ, giúp đỡ và bình đẳng sẽ giúp cả nhóm cùng tiến bộ khi họ nhận trách nhiệm để thể hiện TA khi trình bày, phát huy thế mạnh của từng thành viên sẽ giúp người học nhận ra tầm quan trọng của bản thân để cố gắng tạo ra kết quả cao hơn. GV đơn giản hóa nội dung với đối tượng người học cơ bản và thiết kế những yêu cầu cao hơn với những cá nhân hoặc nhóm có kiến thức nền cơ bản tốt để phân loại SV trong lớp học.

Phân quyền và duy trì sự kết nối trong và ngoài lớp học để đạt mục tiêu học tập

GV trao quyền để người học tự lên kế hoạch nhằm đạt được mục tiêu học tập. GV cũng luôn là người hỗ trợ, hướng dẫn và đưa ra các gợi ý để người học định hướng cho việc thực hiện vì chia sẻ kiến thức gắn với thực tiễn và tâm lý của người học là chìa khóa truyền động lực tích cực đến từng cá nhân để phát huy sở trường trong việc tri nhận, thực hành TA trong và ngoài lớp học. Mỗi cá nhân sẽ có các chiến lược ngắn hạn và dài hạn khác nhau như đạt điểm cao trong quá trình học và cuối kỳ; đạt được chứng chỉ IELTS band cao; có khả năng giao tiếp tốt với người nước ngoài; có thể học

Văn bằng 2 TA. Sự quan tâm của GV đến người học trong từng giai đoạn thuận lợi hay khó khăn giúp khoảng cách giữa người dạy và người học ngắn lại, thân tình hơn và người học được trao niềm tin để nỗ lực mỗi ngày. Khi người học cố gắng lĩnh hội TA một cách toàn diện, họ sẵn sàng chấp nhận rủi ro hơn và đặt ra những câu hỏi họ cần để đạt được thành công. Gắn việc học TA với những hoạt động đời thường giúp TA có cơ hội thực hành cao hơn. Người học phát huy tối đa khả năng ngôn ngữ ngoài lớp học tạo thói quen giao tiếp và phản xạ nhanh trong ngữ cảnh thực.

Đặt kỳ vọng cao và thiết lập mục tiêu rõ ràng

Luôn kỳ vọng khả năng sử dụng TA của người học và hỗ trợ khi họ gặp khó khăn một cách minh bạch, khả thi. Người học xác định mục tiêu đang hướng đến đâu và có động lực tham chiếu để tự đánh giá mức độ đạt được hàng ngày, hàng tuần và hàng kỳ. Chấp nhận mắc lỗi nhiều giai đoạn đầu và khuyến khích người học tự sửa lỗi sau mỗi nhiệm vụ để người học tự tin hơn. Duy trì kỳ vọng cao đối với TA học thuật như các tiêu chuẩn cao về hành vi, ngôn ngữ, ngữ cảnh, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc thực hành từ độ dài đến kiến thức chuyên sâu. Luôn tin tưởng, mô hình hóa và trao trách nhiệm cho người học để đạt được vạch đích và học tập sẽ trở thành hành động quan trọng nhất trong lớp học. Sau năm thứ nhất, những SV đạt IELTS band 7.5 trở lên cảm thấy hoàn toàn tự tin để đạt những mục tiêu cao hơn hoặc tìm kiếm cơ hội việc làm ở những vị trí tốt hơn sau khi ra trường. Kích thích, khai thác sự tưởng tượng và tính sáng tạo hài hòa trong học tập tạo nguồn năng lực học tích cực, tự ngưỡng mộ khả năng vượt khó của bản thân để tiếp tục phấn đấu.

Truyền cảm hứng trong từng hoạt động

Truyền cảm hứng học tập thành công từ những điều đơn giản có tác dụng lâu dài. Sự khen ngợi có chọn lọc cá nhân, hoặc nhóm trước lớp sau mỗi nhiệm vụ học tập giúp người học nhận thấy hành vi học tập chăm chỉ, đúng đắn được coi trọng. Những nỗ lực được đền đáp và sẵn sàng tâm thế cho những thách thức tiếp theo để duy trì niềm tự hào của bản thân trong chuỗi hành trình học tập của từng kỳ. Người học phát huy thế mạnh như khả năng nói to, rõ ràng, khả năng viết nhanh, khả năng đoán từ trong ngữ cảnh hay khả năng tương tác tốt; cũng như khắc phục những nhược điểm như chưa tự tin, phản xạ chưa nhanh, cần bổ sung vốn từ theo chủ điểm hay lối hành văn trong TA chưa mạch lạc. GV giúp người học nhận ra tầm quan trọng những đóng góp của bản thân trong nhóm, trong lớp, trong cộng đồng cho một thể hệ tri thức toàn cầu. Khuyến khích sử dụng công nghệ cho những bài nghe, nói, đọc viết về những nhân vật vượt khó trong cuộc sống tại Việt Nam và trên thế giới; yêu cầu người học chuẩn bị thuyết trình hoặc viết về một tấm gương học tập ở vùng sâu, vùng xa hoặc tại địa phương để trình bày trước lớp. Tác động thực tế giúp người học nhận ra cơ hội học tập của bản thân và thể hiện để khẳng định vị thế trong môi trường học thuật một cách thuyết phục hơn.

Các chiến lược truyền cảm hứng được các nhà khoa học, các giáo viên và các nhà ngôn ngữ, áp dụng, nghiên cứu tại nhiều cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, với các nước TA là ngoại ngữ, việc áp dụng có những kết quả khác nhau theo từng giai đoạn học và từng chương trình học.

2. Những thuận lợi, khó khăn của SV năm thứ nhất khi học TA tại APD.

2.1. Thuận lợi:

Việc thay đổi môi trường học tập làm SV năm thứ nhất thực sự hứng thú và khao khát khám phá. SV nhận thức được trách nhiệm, quyền lợi và cả những khó khăn trong giai đoạn đầu của lứa tuổi trưởng thành. SV bắt đầu tự điều chỉnh để thích nghi với môi trường học tập mới và đây là động lực lớn giúp họ đi xa một cách vững chắc hơn nếu có nền tảng ngay từ buổi đầu đến lớp học TA. Kiến thức TA được truyền thụ theo những cách tiếp cận khác nhau như các chủ đề về kinh tế, xã hội, xu thế hội nhập và cả những vấn đề vĩ mô; phương pháp học tập mang tính tự chủ cao khi SV phải tự tìm hiểu nội dung, thuyết trình, làm việc nhóm và tự quyết định nội dung trình bày theo chủ đề. Nếu được tạo động lực hoặc truyền cảm hứng kịp thời, đây là chính là thời điểm vàng giúp SV tri nhận ngôn ngữ một cách hiệu quả nhất, tạo nền tảng cho quá trình học tập tự giác lâu dài. (Sứ mệnh, tầm nhìn của APD).

Với cơ sở vật chất tốt, các phương tiện dạy học hiện đại, khuôn viên đẹp cùng có đội ngũ GV tri thức và tâm huyết, yêu nghề, nhiều câu lạc bộ được các thế hệ SV năm 2, năm 3 và năm 4 duy trì luôn tạo ra những hiệu quả cao cho các hoạt động học trong và ngoài lớp học. Đặc biệt câu lạc bộ TA với nhiều hoạt động phong phú được duy trì đã thu hút nhiều SV tham gia nhiệt tình và tạo hiệu ứng học tập hiệu quả. APD có môi trường học tập hấp dẫn, thân thiện và nhiều thách thức. SV được tạo điều kiện, hỗ trợ tối đa trong quá trình học. Chương trình TA được thiết kế cập nhật và phù hợp với đa số SV tại APD, quy chế kiểm tra đánh

giá được tiến hành chặt chẽ để SV phấn đấu và đạt được mục tiêu học tập theo kế hoạch. (Chương trình dạy TACB - Khoa Ngoại ngữ).

Học tập và chia sẻ thông tin TA trước, trong và sau khi học tập trên giảng đường là một kênh hữu ích từ cuộc sống trong môi trường học thuật. Các nhóm nhỏ đã giúp nhiều SV vượt qua nỗi e ngại ban đầu để tự tin hơn trong học các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết khi SV có thể trao đổi, học hỏi và điều chỉnh việc học tập phù hợp hơn với từng cá nhân.

Theo thông tin cập nhật tại website của APD, cơ sở vật chất và môi trường học tập chất lượng giúp SV khám phá nhiều thông tin hữu ích và môi trường thực hành đa dạng. Với diện tích 6 ha bao gồm 04 tòa nhà A, B, C, D, 47 phòng học, 01 Hội trường 800 chỗ; 01 hội trường 400 chỗ, khu sân bãi, nhà thi đấu đa năng với diện tích sàn xây dựng khoảng 6.400m². 49 máy chiếu kèm màn hình, 11 tivi 50 inch, 40 bộ âm thanh Shure, 150 quạt trần, 2000 bộ bàn ghế sinh viên, 40 bộ bàn ghế vi tính tại phòng máy phòng thực hành tin học, ngoại ngữ diện tích 240 m² với 80 máy tính được kết nối Internet.

Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo với 3.230 đầu sách (31.000 bản) cùng với việc phủ sóng Wifi toàn học viện, SV có thể tra cứu thông tin học tập trực tiếp hoặc trực tuyến một cách dễ dàng, thuận lợi cũng như tương tác trong nhóm nhỏ hữu ích hơn.

2.2. Khó khăn

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát và lập bảng câu hỏi mở với 141 SV và 6 GV để lấy dữ liệu phân tích những khó khăn mà GV và SV gặp phải trong quá trình giảng dạy TACB1 cho SV năm thứ nhất.

CÂU HỎI	
Dành cho giảng viên	Dành cho SV
1. Thầy/ Cô gặp khó khăn gì khi dạy TA cho SV năm thứ nhất?	1. Những khó khăn mà em gặp phải khi học TA hệ Đại học là gì?
2. Khi Thầy/ Cô phổ biến chi tiết về phương pháp, nội dung học với thời gian tương ứng, tiêu chuẩn kiểm tra đánh giá, SV có phản hồi gì không?	2. Em có thường xuyên tham gia các hoạt động trong lớp học TA không?
3. SV gặp khó khăn gì khi Thầy/ Cô yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ thuyết trình?	3. Em có thường xuyên thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong lớp học TA hay không?
	4. Theo em, học kỹ năng TA nào là khó nhất?
	5. Những điểm khác biệt khi học TA hệ Đại học với TA phổ thông là gì?

SV năm thứ nhất gặp nhiều vấn đề khác nhau trong việc học TA là điều hoàn toàn dễ hiểu. Việc đề cao kỹ năng giao tiếp khiến nhiều SV chưa có thói quen nghe nói TA trong lớp với các SV khác và GV khiến một số SV bị áp lực và căng thẳng, nặng nề. Một số SV đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi khối phổ thông đã sốc hoặc tự ti khi trong lớp có nhiều SV tự tin giao tiếp và đạt được điểm số cao ngay từ những buổi đầu tiên. Chỉ riêng việc này, cú sốc về kết quả học tập đã đủ khiến nhiều SV co mình lại vì sợ sai và không dám giao tiếp.

Phương pháp học, thời gian học, nội dung giáo trình, tiêu chuẩn học cũng như tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá môn TA hệ đại học hoàn toàn khác phổ thông. Chính điều này đã gây nên áp lực đối với nhiều SV. Nhiều SV gặp khó khăn trong học tập vì kiến thức rộng, học và thi đòi hỏi sự nỗ lực rất cao cả về kiến thức TA và kiến thức vận dụng vào trong tình huống sử dụng ngôn ngữ đòi hỏi tư duy và thực sự hiểu vấn đề thật tốt thay vì học thuộc lòng.

Thuyết trình hoặc thi vấn đáp TA là một trong những khó khăn của SV năm nhất của nhiều trường. Vì thực tế, hệ phổ thông hiếm khi được thuyết trình trên lớp. Do đó, khi vào đại học, nhà trường thường khuyến khích làm việc nhóm và thuyết trình. Điều này là khó khăn của một số bạn thiếu tự tin, không quen đứng trước đám đông. Tự giác học tập TA trước khi đến lớp, tự giác ghi chép và không ai nhắc nhở khiến nhiều SV áp lực và không chủ động chuyên cần. Quá nhiều nguồn dữ liệu bài học TA phụ trợ trên Internet cũng làm nhiều SV bối rối và SV phải chủ động đặt câu hỏi cho GV và các SV khác nhằm hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Nhiều SV học TA trực tuyến hoặc tham khảo các nội dung TA trên mạng Internet đã không kiểm soát được thời gian truy cập vào các nền tảng mạng xã hội và các ứng dụng trên điện thoại và máy tính. Thời gian truy cập nhiều nhưng hiệu quả không cao dẫn đến chán nản với việc học, không thực sự duy trì việc tự giác học tập và quản lý thời gian hợp lý.

3. Áp dụng những chiến lược truyền cảm hứng phù hợp với SV năm thứ nhất tại APD.

Việc hiện thực hóa các chiến lược vào thực tế giảng dạy TA cho SV năm thứ nhất tại APD đòi hỏi tính linh hoạt và thực hành cao. Với quá trình dạy 2 lớp tiếng Anh cơ

bản 2 với 141 SV năm thứ nhất năm học 2021 - 2022, nghiên cứu đã áp dụng và thấy đa số chiến lược truyền cảm hứng học TA phù hợp và có những kết quả khả quan nhưng đòi hỏi sự nỗ lực từ GV, SV và những yếu tố khách quan để phát huy lâu dài.

Bảng 1: Khảo sát các hoạt động truyền cảm hứng trong lớp học

Số TT	Hoạt động	Hoàn toàn đồng ý		Đồng ý		Không đồng ý		Hoàn toàn không đồng ý	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Chủ đề học tuy khó nhưng đầy cảm hứng phù hợp với khả năng ngôn ngữ.	26	18.4	83	59.0	26	18.4	6	4.2
2	Chú trọng đến việc sử dụng TA phù hợp trong ngữ cảnh dù đôi khi có sai ngữ pháp, chính tả.	48	34.0	65	46.2	16	11.3	12	8.5
3	Thang điểm cho từng nhiệm vụ cụ thể với thời gian hạn định.	30	21.3	80	56.7	31	22.0	0	0.0
4	Phải tự sửa lỗi sau mỗi hoạt động.	12	8.5	59	41.9	50	35.5	20	14.1
5	Được khuyến khích chọn chủ đề hoặc điều chỉnh khi làm việc nhóm.	12	8.5	90	63.8	39	27.7	0	0.0
6	Nhiều địa chỉ học trực tuyến nhưng khó lựa chọn.	80	56.7	10	7.1	51	36.2	0	0.0
7	Làm việc nhóm với các bạn giỏi hơn rất áp lực.	15	10.6	70	49.7	16	11.3	40	28.4
8	Nhiều nhiệm vụ học tập cần kiến thức khoa học, xã hội, kinh tế để hoàn thành.	35	24.8	85	60.4	21	14.8	0	0.0
9	Thực hành nghe nói đọc viết trong tất cả các bài học nên đôi khi không hoàn thành.	15	10.6	90	63.9	26	18.4	10	7.1
10	Phải kết hợp với nhóm hoặc lớp mới hoàn thành bài tập về nhà và bài tập lớn.	38	27.0	82	58.2	21	14.8	0	0.0
11	Nhiều hoạt động phải dùng hình ảnh minh họa nên dễ thuyết trình hơn.	15	10.6	100	71.0	16	11.3	10	7.1

Với phát vấn *“Chủ đề học tuy khó nhưng đầy cảm hứng phù hợp với khả năng ngôn ngữ”*, số lượng SV không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý là 26 và 6, tương đương với 18.4% và 4.2% cho thấy, việc đặt kỳ vọng cao làm cho một số SV chưa quen với những thách thức trong khi thực hành TA dù chủ đề hấp dẫn. Tuy nhiên, 83 SV tương đương với 59.0% đồng ý và có đến 26 SV hoàn toàn đồng ý chiếm tỷ lệ 18.4 đã chứng tỏ việc lồng ghép nội dung TA thú vị dù ở cấp độ cao hơn vẫn thu hút SV tham gia vào quá trình tri nhận kiến thức một cách tích cực. SV A phát biểu sau giờ học *“Mấy bài đầu em thấy khó, nhưng cô giáo đã hướng dẫn rồi thấy các bạn khác làm tốt nên sau em cũng dần quen và đã bắt đầu làm bài tốt hơn”*.

“Chú trọng đến việc sử dụng TA phù hợp trong ngữ cảnh dù đôi khi có sai ngữ pháp, chính tả” là nội dung được 48 SV hoàn toàn đồng ý, 65 SV đồng ý tương đương 34.0% và 46.2%. Trong khi vẫn còn 16 SV không đồng ý và 12 SV hoàn toàn không đồng ý chiếm tỷ lệ 11.3% và 8.5%. Mặc dù nhiều SV quen các bài tập ngữ pháp nên luôn sợ sai nhưng SV B chia sẻ *“Em xác định học TA thực hành và thấy cực kỳ thú vị nên sai là không tránh khỏi”*.

Việc GV cho *“Thang điểm cho từng nhiệm vụ cụ thể với thời gian hạn định”*, không có SV nào hoàn toàn không đồng ý, chỉ có 31 SV không đồng ý chiếm tỷ lệ 22.0%. Trong khi có 30 SV hoàn toàn đồng ý và 80 SV đồng ý chiếm tỷ lệ 21.3% và 56.7%. Tuy vẫn còn SV chưa quen với việc thúc đẩy tư duy phát triển và tạo ra sự khác biệt nhưng đa số SV nỗ lực từng phần để nhận điểm như một cách để khẳng định mình. SV C phát biểu *“Hôm nào đi học em cũng phải cố để có điểm mà được điểm cao nên rất vui”*.

Với nội dung *“Phải tự sửa lỗi sau mỗi hoạt động”*, có 12 SV hoàn toàn đồng ý

tương đương 8.5%, 59 SV đồng ý với tỷ lệ 41.9%. Trong khi vẫn có 50 SV không đồng ý tương đương 35.5% và 20 SV hoàn toàn không đồng ý chiếm tỷ lệ 14.1%. Đây là khái niệm hoàn toàn mới đối với nhiều SV vì việc học thụ động đã ảnh hưởng đến tư duy GV phải tìm và sửa lỗi sai. SV D đã chia sẻ *“Từ trước đến giờ đa số là thầy cô sửa lỗi sai cho em vì em không biết sai ở đâu. Bây giờ em phải so sánh với các bạn để tự chữa nên chưa quen, nhưng em sẽ làm được”*.

“Được khuyến khích chọn chủ đề hoặc điều chỉnh khi làm việc nhóm” là hoạt động nhận được nhiều phản hồi tích cực. 12 SV hoàn toàn đồng ý với tỷ lệ 8.5%; 90 SV đồng ý chiếm 63.8 %; vẫn còn 39 SV không đồng ý chiếm 27.7%. Khi được trao quyền, SV cảm thấy được chủ động sử dụng TA để hoàn thành nhiệm vụ học tập và chia sẻ kiến thức để đạt được yêu cầu đề ra một cách tốt nhất. SV E hào hứng *“Sau khi thảo luận, nhóm em đã chọn chủ đề mô tả về APD, rất thú vị và hấp dẫn”*.

“Nhiều địa chỉ học trực tuyến nhưng khó lựa chọn” là nội dung được nhiều SV bối rối, 80 SV hoàn toàn đồng ý, 10 SV đồng ý với tỷ lệ 56.7% và 7.1%. Trong khi có 51 SV không đồng ý chiếm 36.2%. Điều này chứng tỏ, thời đại công nghệ thông tin phủ sóng khắp nơi, đặc biệt việc học tham khảo từ các nguồn tin cậy rất quan trọng, nếu GV không định hướng rõ ràng, hoặc cơ sở đào tạo không có những hướng dẫn cụ thể sẽ không định hướng người học vào một chương trình cụ thể phù hợp với nhu cầu và đáp ứng được việc tham khảo cho nội dung học TA trên lớp. Qua chia sẻ của SV F khi thực hiện bài viết *“Có quá nhiều bài có sẵn trên mạng nhưng không được kiểm chứng làm em thấy khó lựa chọn nên đôi khi em lười và chọn một bài rồi sao chép nhưng cô vẫn phát hiện ra”*.

GV phải đầu tư nhiều thời gian và lựa chọn để gợi ý các địa chỉ mạng học TA phù hợp và luôn phải rèn tính tự giác và tránh đạo văn.

“*Làm việc nhóm với các bạn giỏi hơn rất áp lực*” là hoạt động có 15 SV hoàn toàn đồng ý; 70 bạn đồng ý tương đương %10.6 và %49.7. Trong khi có 16 SV không đồng ý và 40 SV hoàn toàn không đồng ý chiếm %11.3 và %28.4. Điều này chứng tỏ nhiều SV chưa thể hòa nhập được với hoạt động nhóm để chia sẻ và học hỏi cũng như chịu trách nhiệm với vai trò của bản thân khi sử dụng TA trong lớp học. SV G thú nhận “*Em thấy các bạn giỏi hơn nên em không dám nói vì sợ sai*”. GV giúp SV vượt qua được sự tự ti của bản thân để nhận trách nhiệm và sẵn sàng học hỏi là yếu tố giúp việc học trở nên thú vị và nhẹ nhàng hơn.

Đối với một số SV “*Nhiều nhiệm vụ học tập cần kiến thức khoa học, xã hội, kinh tế để hoàn thành*” là một thách thức, cần phải đọc, học và tìm hiểu nhiều hơn để nắm bắt được thông tin khi học các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết TA trong và ngoài lớp học. 35 SV hoàn toàn đồng ý và 85 SV đồng ý với hoạt động trên chiếm tỷ lệ 24.8% và 60.4%. Có 21 SV không đồng ý chiếm 14.8%. Quả thực việc tiếp cận với nhiều nền tảng thông tin liên quan đến đời sống và xu hướng phát triển của xã hội khiến nhiều SV gặp khó khăn và thách thức. SV H thẳng thắn “*Có những thông tin mà bây giờ em mới biết nên vốn từ không có nhiều. Tuy nhiên khá thú vị vì học TA còn có thêm kiến thức về đời sống của các loài động vật hay vũ trụ hoặc những môn thể thao mới*”.

Hoạt động “*Thực hành nghe nói đọc viết trong tất cả các bài học nên đôi khi không hoàn thành*”. Có 15 SV hoàn toàn đồng ý và 90 SV đồng ý tương đương 10.6% và 63.9%. Có 26 SV không đồng ý và 10 SV hoàn toàn

không đồng ý chiếm tỷ lệ 18.4% và 7.1%. Một số SV chưa quen khi các kỹ năng TA được lồng ghép và bổ trợ cho nhau trong quá trình học sẽ giúp nội dung mang tính toàn diện hơn. SV I cho rằng “*Tập trung nghe được em mới nói trôi chảy và phát âm đúng được*”.

Với yêu cầu “*Phải kết hợp với nhóm hoặc lớp mới hoàn thành bài tập về nhà và bài tập lớn*” được nhiều SV hào hứng tham gia với 38 SV hoàn toàn đồng ý, có đến 82 SV đồng ý chiếm tỷ lệ 27.0% và 58.2%. Trong khi chỉ có 21 SV không đồng ý chiếm 14.8%. SV phân quyền và tự chịu trách nhiệm với nội dung để cả nhóm hoàn thành theo kế hoạch và có kết quả tốt nhất. SV J khẳng định “*Một mình em sẽ không làm tốt được đến thế, nhóm em luôn đạt điểm cao vì ai cũng cố gắng*”. Rõ ràng, điểm số cũng là một trong những mục tiêu ngắn hạn mà SV đã nỗ lực giành được.

Trong quá trình học, “*Nhiều hoạt động phải dùng hình ảnh minh họa nên dễ thuyết trình hơn*” khiến SV phát huy tính sáng tạo cao. 15 SV hoàn toàn đồng ý chiếm 10.6% và có 100 SV đồng ý với tỷ lệ 71.0%. Vẫn còn 16 SV không đồng ý và 10 SV hoàn toàn không đồng ý chiếm tỷ lệ 11.3% và 7.1%. SV K phấn khích “*Em biết tạo các đoạn phim ngắn nhưng không có nhiều ý tưởng nên khi cô giáo giao bài, em đã cố gắng hết sức và đạt điểm cao*”. Việc khơi dậy đam mê học với những thế mạnh của từng cá nhân

4. Kết quả nghiên cứu

Xu hướng dạy học TA nhằm đạt được mục đích đầu ra cũng như khả năng sử dụng ngôn ngữ trong môi trường toàn cầu, nhiều chiến lược truyền cảm hứng đã được áp dụng rộng rãi. Một số chiến lược truyền cảm hứng mang tính thực hành cao và mang lại những kết quả tốt như: *Thúc đẩy tư duy phát triển, Phát triển cộng đồng học TA theo*

nhóm nhỏ và tôn trọng các đề xuất của người học; Phân quyền và duy trì sự kết nối trong và ngoài lớp học để đạt mục tiêu học tập; Đặt mục tiêu cao và thiết lập mục tiêu rõ ràng; Truyền cảm hứng trong từng giờ học.

Các chiến lược truyền cảm hứng hiệu quả tại APD là: *Chủ đề học với độ khó phù hợp với khả năng ngôn ngữ; Sử dụng TA phù hợp trong ngữ cảnh dù đôi khi có sai ngữ pháp, chính tả; Áp dụng thang điểm cho từng nhiệm vụ cụ thể với thời gian hạn định; Khuyến khích SV tự sửa lỗi sau mỗi hoạt động; Trao cơ hội cho SV chọn chủ đề hoặc điều chỉnh khi làm việc nhóm; Lựa chọn và cung cấp một số địa chỉ học trực tuyến hữu dụng; Khuyến khích SV làm việc nhóm với các bạn không cùng trình độ; Nhấn mạnh các nội dung liên quan đến kiến thức khoa học, xã hội, kinh tế để hoàn thành; Yêu cầu SV kết hợp thực hành nghe nói đọc viết trong từng phần hoặc nội dung học cụ thể; Khuyến khích SV kết hợp với nhóm hoặc lớp để hoàn thành bài tập về nhà và bài tập lớn; Áp dụng công nghệ minh họa nên để SV tự tin thuyết trình hơn.*

Chương trình học TA SV năm thứ nhất tại APD có nhiều thuận lợi như điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ GV và môi trường học tập tại APD, SV luôn được hỗ trợ để quá trình học TA trở nên hiệu quả hơn. Tuy nhiên việc thay đổi môi trường sống và học tập ở cấp độ cao hơn cũng khiến nhiều SV gặp khó khăn và bộc lộ khá rõ nét kể cả với những SV đạt điểm cao đầu vào vì sự khác biệt về nội dung, yêu cầu thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; phương pháp học và trình bày hoặc tranh luận khiến nhiều SV bối rối.

Việc áp dụng các chiến lược truyền cảm hứng trong các tiết dạy TA đã mang lại những hiệu ứng tích cực. Thời gian đầu, nhiều SV chưa quen với phương pháp học hàn lâm, nhiều chủ đề về kinh tế, xã hội

hoặc văn hóa làm SV bối rối. Một số SV chưa đủ tự tin để thể hiện khả năng TA cũng như chưa thực sự nhiệt huyết học. Việc học theo nhóm và tham gia vào các hoạt động học tập hàng ngày đã cải thiện tư duy học TA một cách rõ rệt. SV được chủ động kết nối và chia sẻ kiến thức để đạt được những điểm số tốt hơn và đặt ra những mốc kiến thức cao hơn. Tuy còn nhiều khó khăn cả với GV và SV, chiến lược truyền cảm hứng đã tạo ra môi trường học tập hấp dẫn, bước đầu có kết quả khả quan. Việc áp dụng hiệu quả hay không còn phụ thuộc vào thời gian, thiết kế lựa chọn hoạt động, tâm thế học tập của SV và quan trọng nhất là khai thác, phát huy thế mạnh của từng SV, từng nhóm trong khi học TA; sự công bằng và tâm huyết của GV cũng là một yếu tố thu hút SV vào quá trình tri nhận kiến thức. Việc áp dụng công nghệ thông tin trong học tập là một yếu tố then chốt giúp SV hòa nhập nhanh với môi trường TA toàn cầu.

IV. Kết luận và giải pháp

Kết luận

Chiến lược truyền cảm hứng học TA không hề mới trong môi trường dạy và học TA hàn lâm. Nhiều chiến lược đã được các nhà ngôn ngữ học, phương pháp học xây dựng, áp dụng và đều có những phản hồi tích cực. Tuy nhiên lựa chọn chiến lược nào cho phù hợp với đối tượng người học, giáo trình, thời gian học, trình độ đầu vào và mục tiêu cần đạt sau mỗi khóa học luôn là những trăn trở của nhiều GV trong các cơ sở đào tạo hệ Đại học hiện nay. Phụ thuộc vào tình hình thực tế, GV sẽ quyết định chiến lược nào sẽ phát huy hiệu quả cho từng nhiệm vụ học tập hoặc từng nội dung bài giảng trong từng giai đoạn cụ thể. Để người học cảm nhận môi trường học tập tích cực và nỗ lực phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của bản

thân, GV cần đầu tư nhiều thời gian, công sức cũng như trí tuệ và kết nối cộng đồng dạy TA trong nước, trên thế giới nhằm tạo ra mạng lưới GV tri thức, giỏi chuyên môn, cập nhật các phương pháp giảng dạy tiên tiến. Không chỉ SV cần truyền cảm hứng, mỗi GV cũng luôn tạo cảm hứng sáng tạo trong dạy học và truyền tải kiến thức đến SV.

Xin trích xuất một số câu nói truyền cảm hứng (khuyết danh) trong TA:

“Where there is a will, there is a way”

“On the way to success, there is no trace of lazy men”

“Great things happen to those who don’t stop believing, trying, learning, and being grateful.”

“I can accept failure, everyone fails at something”

Giải pháp

Để chiến lược truyền cảm hứng đạt kết quả cao, cũng như để GV phát huy tối đa khả năng truyền thụ kiến thức và áp dụng phương pháp dạy học linh hoạt, hiệu quả, cần có sự chung tay của SV, GV và nhà quản lý. Qua kết quả nghiên cứu, một số đề xuất được kiến nghị:

Tổ chức liên kết mạng lưới GV dạy TA hệ ĐH trong nước và các trường ĐH ngôn ngữ trên thế giới.

Tổ chức các hội thảo chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy định kỳ.

Tạo điều kiện cho GV tham gia các khóa học ngắn hạn và dài hạn tại các nước TA là ngôn ngữ quốc gia để nâng cao khả năng ứng dụng.

Có kế hoạch cho các chương trình trao đổi SV với các nước để nâng tầm vị thế của APD.

Khen thưởng kịp thời cho các SV đạt thành tích TA cao và những SV vượt khó có tiến bộ tạo sự công bằng.

Tạo các sân chơi TA định kỳ như các cuộc thi hùng biện TA quy mô nhỏ, cuộc thi phim ngắn sử dụng TA hoặc các bài viết TA về APD, về quá trình học TA và đời sống SV tại APD tạo cảm hứng học tập cho SV năm thứ nhất.

Reference

Aldo N. (2016). **The Comparative Method and the Study of Literature**. Purdue University Press. India.

Carol Taylor (2022). **The importance of English in today’s world**. Prely (Website khảo sát toàn cầu). Trích xuất từ <https://preply.com/en/blog/theimportanceofenglishintodaysworld/#:~:text=With%202%20billion%20speakers%20worldwide,cultures%2C%20building%20relationships%20and%20understanding>.

Douglas Brown, H. (2014). **Principles of Language Learning and Teaching**. San Francisco State University Press. Hoa Kỳ

Fadia, F. (2012). **Linguistic strategies and the construction of identity in My Name is Salma**. Journal of King Saud University - Languages and Translation. Volume 24, Issue 1, January 2012, Pages 43-49.

Noam Chomsky. (2002). **Philosophers and Public Philosophy**. Ethics - Volumn 79. JSTOR. University of Chicago. Hoa Kỳ.

Jeanetta, D. (2021). **Inspired Learning: 50 Insights from Personal Transformative Learning Journeys**. Vol. 2 No. 1 (2021): The Wabash Center Journal on Teaching. Marquette University, USA.

Luke, W. (2027). **Top 5 Strategies for Motivating Students**. **National Board for Professional Teaching Standard**. Trích xuất từ nguồn <https://www.nbpts.org/blog/top-5-strategies-for-motivating-students/>

Zoltan Dörnyei, (2001). **Motivational Strategies in the Language Classroom**. **Cambridge English Teacher and Cambridge English Language Assessment**. Cambridge University Press. UK.